

Bản án số: **309/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: **07/08/2023.**

V/v tranh chấp: **xin ly hôn.**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Bào Thanh Loan**

2. Ông **Bùi Trung Tiến**

- Thư ký phiên tòa: bà **Trần Thị Ngọc Thúy**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây không tham gia phiên Tòa.

Trong ngày 19 tháng 07 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 240/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/6/2023 về việc “Xin Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2023/QĐST- HNGĐ ngày 04/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **TRẦN VĂN T** – sinh năm 1972;

Địa chỉ: Khu phố 1, Thị trấn V, huyện G, Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà **NGUYỄN THỊ THANH S** – sinh năm 1978;

Địa chỉ: Khu phố 1, Thị trấn V, huyện G, Tiền Giang.

(Ông T xin vắng mặt, bà S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn của nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày: ông và bà Nguyễn Thị Thanh S cưới nhau vào năm 1995, có sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn V. Su khi cưới ông và bà S sống hạnh phúc đến tháng 3/2022 thì phát sinh mâu thuẫn do mâu thuẫn về tiền bạc, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên đã sống ly thân từ tháng 3/2022 cho đến nay. Nay ông T yêu cầu xin ly hôn với bà S.

- Về con chung: có 02 con tên Trần Thị Trúc L – sinh ngày 18/5/1996 và Trần Thuận P – sinh ngày 01/7/2001, hiện hai cháu L và P đã thành niên, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

* Tại văn bản lời khai của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh S trình bày: bà và ông Trần Văn T cưới nhau vào năm 1995, có sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn V. Sau khi cưới bà và ông T sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T có quan hệ với người phụ nữ khác, vợ chồng vẫn đang sống chung nhà, ông T chỉ mới ra ngoài sống được vài ngày. Nay ông T yêu cầu xin ly hôn, phía bà S không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có 02 con tên Trần Thị Trúc L – sinh ngày 18/5/1996 và Trần Thuận P – sinh ngày 01/7/2001, hiện hai cháu L và P đã thành niên, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn ông Trần Văn T xin vắng mặt.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh S vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là “xin ly hôn”.

[1] Xét nguyên đơn ông Trần Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt ông T.

[2] Xét bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh S đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà S vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bà S.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Văn T là có cơ sở. Vì ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh S cưới nhau vào năm 1995, được sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn V số 70 ngày 22/07/2004. Su khi cưới ông T và bà S sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông T và bà S vẫn sống chung nhà, đến tháng 6/2023 sống ly thân cho đến nay, mà giữa ông T, bà S vẫn không hàn gắn được tình cảm. Cho thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà S đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: có 02 con tên Trần Thị Trúc L – sinh ngày 18/5/1996 và Trần Thuận P – sinh ngày 01/7/2001, hiện hai cháu L và P đã thành niên, nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: ông T và bà S không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, nếu sau này ông T và bà S có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về nợ chung: không có.

[7] Về án phí: do ông T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên ông T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 175, 177, 227, 228, 235 Bộ luật tố tụng dân sự
- Áp dụng vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Văn T.

Ông Trần Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh S.

Về án phí: ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 0027211 ngày 6/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, do vậy ông T đã nộp xong án phí.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo các đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án văn hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND Thị trấn V
- Các đương sự.

Nguyễn Văn Tuấn Anh